



THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty (“Đại hội”), thông tin cụ thể như sau:

- 1. Thời gian: 13 giờ 00 ngày 02/04/2021.**
- 2. Địa điểm: Số 8C đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.**
- 3. Nội dung của Đại hội:**
 - Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm toán nội bộ;
 - Thông qua các tờ trình của Hội đồng Quản trị;
 - Thông qua các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.

Nội dung chi tiết, kính đề nghị Quý cổ đông xem xét tại Chương trình Đại hội đăng tải tại địa <http://nuocsachso3hn.vn>
- 4. Điều kiện tham dự Đại hội:**
 - Cổ đông có quyền tham dự Đại hội là các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/03/2021.
 - Những cổ đông cá nhân hoặc Người đại diện theo pháp luật/ Người đại diện quản lý vốn góp của cổ đông tổ chức không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự (theo mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm Thông báo này). Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba;
 - Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo những giấy tờ sau để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội:
 - (1) Thông báo mời họp này;
 - (2) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của cá nhân (bản gốc);
 - (3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của tổ chức (bản sao được chứng thực/công chứng hợp lệ);
 - (4) Giấy ủy quyền (nếu là Người dự họp là Người được cổ đông ủy quyền) (bản gốc).
 - Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định hiện hành về kiểm soát dịch bệnh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau (1) khai báo y tế và lịch trình di chuyển trong vòng 21 ngày liền trước, (2) đeo khẩu trang trong suốt thời gian tham dự họp, (3) đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo quy định, (4) rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, dung dịch rửa tay khô, (5) chấp hành việc thực hiện kiểm tra y tế, thân nhiệt trước, trong khi Đại hội diễn ra.
 - Trong suốt quá trình tham dự, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định về an toàn, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.





*** Lưu ý khác:**

- Vì lợi ích chung của Đại hội, Ban Tổ chức Đại hội có quyền từ chối để Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự họp Đại hội nếu Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vi phạm, không thực hiện đúng các quy định về kiểm soát dịch bệnh và an toàn trật tự nơi dự họp.
- Cổ đông tự lo mọi chi phí ăn, ở, đi lại khi tham dự Đại hội.

5. Tài liệu gửi kèm Thư mời họp

- Thư mời họp này có gửi kèm Mẫu Giấy ủy quyền tham dự.
- Các tài liệu khác của Đại hội: Kính đề nghị Quý Cổ đông xem tại website của Công ty: <http://nuocsachso3hn.vn> tại mục Quan hệ cổ đông. (Ngoài ra các tài liệu sẽ được in phát tại Đại hội).

6. Đăng ký tham dự đại hội:

Các Quý Cổ đông có quen biết hoặc cùng nhóm được khuyến khích ủy quyền dự họp cho một đại diện để giảm số lượng người tham dự trực tiếp tại Đại hội, đáp ứng yêu cầu giãn cách xã hội (nếu có) trong thời điểm bệnh dịch vẫn còn diễn biến phức tạp.

Để đáp ứng nhu cầu kiểm soát dịch bệnh, Ban Tổ chức Đại hội đề nghị Quý Cổ đông đăng ký trước việc tham dự của mình trong trường hợp Quý Cổ đông có nguyện vọng trực tiếp tham dự tại địa điểm tổ chức Đại hội trước thời điểm 16h ngày 31/03/2021. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào danh sách đăng ký tham dự để chuẩn bị chỗ ngồi, phòng họp đảm bảo khoảng cách, mật độ tối thiểu và các công tác hậu cần, y tế cần thiết.

Đầu mỗi nhận thông tin đăng ký tham dự và/hoặc ủy quyền dự họp của cổ đông:

Người phụ trách: Bà Phạm Vân Khánh
Fax: 024. 3933 2892

Điện thoại: 024 3933 4713
Email: khanh.pham@ns3.vn.

Trân trọng kính mời.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN DANH HIẾU





Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Số CMND/GCDKDN: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Điện thoại: - Fax:

Mã số cổ đông: - Số cổ phần sở hữu:CP
(*Bằng chữ: cổ phần*).

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Họ và tên:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: - Fax:

Số CP được ủy quyền: CP (*Bằng chữ: cổ phần*).

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên được ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội tổ chức ngày 02/04/2021, thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp tương ứng với số cổ phần được ủy quyền cho đến khi kết thúc Đại hội.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nói trên. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội.

Bên được ủy quyền

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Bên ủy quyền

(*Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu*)



CÔNG TY CP SXKD
NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Số 8C, Đường Đình Công Tráng
P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

lienhe@ns3.vn
www.nuocsachso3hn.vn



CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Thời gian: **13 giờ 30 ngày 02/04/2021.**
- Địa điểm: Số 8C đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	13h00–13h30	- Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông; - Phát tài liệu họp.	Ban Tổ Chức
2.	13h30–13h40	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp;	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	13h40–14h00	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban kiểm phiếu - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội. - Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025	Chủ tọa
4.	14h00–14h30	Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc về hoạt động năm 2020 (bao gồm Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020) và kế hoạch kinh doanh năm 2021	Chủ tịch HĐQT
5.	14h30–15h15	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020; - Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, việc chi trả thù lao HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 - Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2020 - Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty - Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế quản trị Công ty - Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với người có liên quan và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT - Các nội dung khác (nếu có)	Thành viên Đoàn Chủ tịch
6.	15h15–15h30	- Thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình Đại hội	Đoàn Chủ tịch
7.	15h30–15h45	- Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội - Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025	Đại hội cổ đông
8.	15h45–16h00	Kiểm phiếu Nghỉ giải lao	Ban kiểm phiếu



9.	16h00–16h15	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
10.	16h15–16h30	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021	Thư ký đại hội



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG:

Họ và tên cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu:

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền từ cổ đông khác:

Tổng số lượng cổ phần đại diện biểu quyết:

Số CMND:

cổ phần

cổ phần

cổ phần

(Quý đại biểu đánh dấu X vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

TT	NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến
1	Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc về hoạt động năm 2020 (bao gồm Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020) và kế hoạch kinh doanh năm 2021			
2	Tờ trình thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi và bổ sung;			
3	Tờ trình thông qua quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty sửa đổi và bổ sung;			
4	Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020;			
5	Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, việc chi trả thù lao HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
6	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021			
7	Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với người có liên quan và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông			

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn và đánh dấu (x) hoặc (√) vào **một** trong các phương án: “**Đồng ý**”, “**Không đồng ý**”, “**Không ý kiến**” cho từng nội dung biểu quyết.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM
2021**

CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“**Công ty**”) được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “**Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**” (“**Quy chế**”) với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội

- Biểu quyết thông qua Quy chế Tổ chức và biểu quyết tại Đại hội; Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chương trình Đại hội; Ban kiểm phiếu.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về hoạt động năm 2020 (bao gồm Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020) và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; việc chi trả thù lao HĐQT năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT năm 2021;



- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2020
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Tờ trình về các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Thảo luận thông qua các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội;
- Nội dung khác tại Đại hội.

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/03/2021 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết và Phiếu Thảo luận** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.
2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền phải mang theo các giấy tờ sau để chứng minh tư cách tham dự của bản thân và thực hiện thủ tục đăng ký, xác nhận với Ban tổ chức Đại hội:
 - (A) *Trường hợp cổ đông là cá nhân trực tiếp tham dự họp Đại hội, phải mang theo:*
 - + CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.



(B) Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội, đại diện theo ủy quyền phải mang theo:

- + CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng; và
- + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công Ty.

(C) Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật của tổ chức trực tiếp tham dự họp ĐHĐCĐ, người đại diện theo pháp luật của tổ chức phải mang theo:

- + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
- + CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

(D) Trường hợp cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó ủy quyền cho người khác không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức dự họp Đại Hội, người được ủy quyền này phải mang theo:

- + CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;
- + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
- + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công Ty.

Trường hợp Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không thể xuất trình các giấy tờ để chứng minh tư cách tham dự của bản thân tương ứng theo các trường hợp (A), (B), (C) và (D) kể trên, Ban tổ chức Đại hội có quyền và sẽ từ chối việc Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó tham dự họp Đại hội.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do Công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
4. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;
6. Việc ghi âm hoặc ghi hình tại Đại hội phải được sự cho phép của Chủ tọa và/hoặc nhất trí của toàn bộ cổ đông dự họp.



7. Cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định hiện hành về kiểm soát dịch bệnh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau (1) khai báo y tế và lịch trình di chuyển trong vòng 21 ngày liên trước, (2) đeo khẩu trang trong suốt thời gian tham dự họp, (3) đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo quy định, (4) rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, dung dịch rửa tay khô, (5) chấp hành việc thực hiện kiểm tra y tế, thân nhiệt trước, trong khi Đại hội diễn ra.
8. Cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội, trong suốt thời gian diễn ra Đại hội, phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và tuân thủ các quy định về an ninh, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.
9. Vì lợi ích chung của Đại hội, Cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội có thể bị Ban Tổ chức Đại hội từ chối việc tham dự Đại hội khi vi phạm, không thực hiện đúng các quy định về kiểm soát dịch bệnh và an toàn trật tự tại cuộc họp.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm tối đa 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa do Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm nhiệm và tối đa 02 thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Thảo luận, làm rõ những nội dung liên quan đến chương trình Đại hội theo đề nghị của cổ đông.
 - e. Quyết định và xử lý các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Chủ tọa là người điều hành và quyết định cao nhất tại Đại hội. Các thành viên Đoàn Chủ tịch thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tọa phân công/ ủy quyền.



Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm tối đa 02 người do Đoàn Chủ tịch chỉ định; chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố nội dung chương trình, dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
 - c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
 - e. Đọc nội dung Biên bản họp làm cơ sở để Đại hội thông qua;
 - f. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm tối đa 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và tối đa 02 thành viên do Chủ tịch HĐQT Công ty chỉ định.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
 - Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông/ người được ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành theo đúng quy định.
 - Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Sau Đại hội, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải bàn giao Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo danh sách cổ đông dự họp cho Ban Tổ chức Đại hội phục vụ công tác lưu trữ.



- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

Điều 6. Ban Kiểm Phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm tối đa 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và tối đa 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Phổ biến Thể lệ biểu quyết, Quy chế bầu cử và hướng dẫn các cổ đông thực hiện biểu quyết và/hoặc bầu cử;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết, xác định số phiếu bầu cử thành viên HĐQT tại Đại hội;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, quy chế bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.
 - Thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho Ban thư ký cập nhật vào nội dung Biên bản họp;
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Sau Đại hội, Ban Kiểm phiếu phải bàn giao Biên bản kiểm phiếu kèm theo toàn bộ Phiếu biểu quyết cho Ban Tổ chức Đại hội phục vụ công tác lưu trữ;
 - Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Chủ tọa sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có ý kiến phải điền đầy đủ thông tin cổ đông và ghi rõ nội dung cần trao đổi vào Phiếu Thảo luận đã được phát và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội;
- Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu Thảo luận theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:
 - + Được sự chấp thuận của Chủ tọa;
 - + Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;



- + Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền:

- Trên cơ sở Phiếu Thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
- Trường hợp có nhiều nội dung thảo luận và thời lượng thảo luận không đủ, Chủ tọa được toàn quyền xem xét, lựa chọn nội dung để ưu tiên thảo luận đảm bảo tính phù hợp và thiết thực nhất cho cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết (*tùy từng nội dung biểu quyết*) đối với tất cả cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền.
- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Công ty in và được phát cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền tại thời điểm bắt đầu và sẽ được Ban Tổ chức thu lại tại thời điểm kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ và tên, Số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên Phiếu biểu quyết, ngoài các nội dung như ghi nhận tại Thẻ biểu quyết còn có các nội dung biểu quyết theo Chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông và phân chữ ký của cổ đông/ Người được ủy quyền của cổ đông.

2. Phương thức biểu quyết:

2.1. Phương thức giơ Thẻ biểu quyết

❖ Các nội dung biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Thông qua Chương trình đại hội;
- Thông qua Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội;
- Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu;
- Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025



- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa quyết định.
- ❖ Cách biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:
 - Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội; Theo sự điều hành của Chủ tọa khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền biểu quyết đồng ý thông qua sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;
 - Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được Chủ tọa đề nghị xin ý kiến Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và Ban Kiểm phiếu/ Chủ tọa sẽ công bố kết quả biểu quyết trước toàn Đại hội.

2.2. Phương thức bỏ phiếu kín

- ❖ **Các nội dung biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu kín (Phiếu biểu quyết):**
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về hoạt động năm 2020 (bao gồm Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020) và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
 - Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; việc chi trả thù lao HĐQT năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT năm 2021;
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021;
 - Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2020;
 - Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị;
 - Tờ trình thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



❖ **Cách biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín:**

- Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tích (X) hoặc (√) vào ô Tán thành/không tán thành/không có ý kiến đối với vấn đề cần lấy biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết; Ký và ghi rõ họ tên vào phiếu biểu quyết.
- Sau khi hoàn thành, cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
- Sau khi đảm bảo tất cả cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia Đại hội đã bỏ phiếu xong, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết tích hợp số quyền biểu quyết tương ứng của mỗi cổ đông.

3.2 Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết tán thành của ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về hoạt động năm 2020 (bao gồm Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2020) và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; việc chi trả thù lao HĐQT và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT năm 2021;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị;
- Tờ trình thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ngoại trừ các nội dung quy định tại Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

3.3 Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết tán thành của ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:



- Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2020;
- Và một số vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).

Điều 9. Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 được thực hiện theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Điều 10. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 11. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ Phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội thông qua và có hiệu lực đối với Đại hội.

Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội sẽ thay mặt ký, ban hành Quy chế này sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN DANH HIẾU



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BẦU BỔ XUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020- 2025

MÃ CỔ ĐÔNG:

Họ và tên cổ đông:

Số CMND:

Số lượng cổ phần sở hữu:

cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền từ cổ đông khác:

cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện biểu quyết:

cổ phần

Tổng số phiếu bầu:

phiếu bầu

Danh sách ứng viên bầu bổ thành viên HĐQT		
STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu cho ứng viên
(1)	(2)	(3)

Ghi chú:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu bầu tương ứng với tổng số cổ phần mà mình có quyền biểu quyết nhân với số lượng thành viên HĐQT cần bầu;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một ứng cử viên vào cột (3) tương ứng với ứng viên mà mình dự định bầu. Trường hợp Cổ đông **chia đều** số bầu cho các ứng viên, Cổ đông có thể đánh dấu **X** hoặc dấu **✓** vào cột (3) tương ứng với các thành viên được bầu;
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền
của Cổ đông**

(Ký và ghi rõ họ tên)



DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội;

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện bầu cử

- 1.1. Quy chế này được sử dụng cho việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“**Công ty**”) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**”).
- 1.2. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

CHƯƠNG II

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Tiêu chuẩn, điều kiện chung để làm thành viên HDQT:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ tốt nghiệp Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.
- Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Thành viên HDQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HDQT của công ty khác, tuy nhiên, chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.



Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT và số lượng thành viên được bầu

- 3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền tự mình hoặc cùng nhau lập nhóm đề ứng cử/ đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT ;
- 3.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là theo Tờ trình của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- 3.3. Trường hợp kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT mà số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 4.3 của Điều này, thì HĐQT sẽ đề cử số lượng ứng viên cho đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 4.3 của Điều này.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử bổ sung thành viên HĐQT

- 4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bổ sung thành viên HĐQT bao gồm:
 - a) Đơn đề cử, ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
 - b) Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
 - c) Bản sao Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
 - d) Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- 4.2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 16h ngày 31/03/2021 theo địa chỉ sau đây:

Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội

Địa điểm: Số 8C đường Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3933 4713

Fax: 024. 3933 2892

- 4.3. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Phương thức bầu cử và nguyên tắc trúng cử



- 5.1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện thông qua việc bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- 5.2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu.

Ví dụ:

a. Giả sử ĐHĐCĐ cần bầu 02 thành viên HĐQT. Cổ đông Nguyễn Văn A đại diện 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền). Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000 \times 2) = 2.000 \text{ phiếu biểu quyết}$$

b. Giả sử ĐHĐCĐ cần bầu 01 thành viên HĐQT. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền). Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000 \times 1) = 1.000 \text{ phiếu biểu quyết}$$

- 5.3. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên;
- 5.4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

Điều 6. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- 6.1. Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần và tổng số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số thành viên được bầu, danh sách các ứng cử viên được đề cử. Phiếu được đóng dấu của Công ty.
- 6.2. Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
 - b) Tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng (\leq) tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (tổng số phiếu bầu được phép bằng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu).
 - c) Không thuộc trường hợp quy định tại mục 6.3 Điều này.
- 6.3. Phiếu bầu cử không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - b) Phiếu bầu cử không có dấu của Công ty;
 - c) Phiếu bầu cử bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng viên không thuộc danh sách ứng viên đã được công bố tại Đại hội trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - d) Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu không phù hợp;
 - e) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;



- f) Phiếu bầu cho tổng số ứng viên vượt quá số lượng thành viên được bầu;
- g) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên;
- h) Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

6.4. Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

6.5. Cách ghi Phiếu bầu cử:

- a) Cổ đông có quyền lựa chọn các cách ghi phiếu như sau:
 - Ghi số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu:
 - + Khi đồng ý bầu cho ứng viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Số phiếu này không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - + Nếu không bầu cho ứng viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.
 - Tích dấu (x) hoặc dấu (√) vào cột Số phiếu bầu:
 - + Khi đồng ý bầu dồn toàn bộ phiếu cho 1 ứng viên: tích vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.
 - + Khi bầu đều phiếu cho các ứng viên: tích vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên của tất cả ứng viên.
- b) Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng viên hoặc không bầu cho ứng viên nào.

6.6. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Điều 7. Nguyên tắc bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT

- 7.1.** Ban kiểm phiếu sẽ lập Hòm phiếu bầu thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra Hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- 7.2.** Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng có mặt tại Đại hội bỏ phiếu bầu vào Hòm phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- 7.3.** Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu được niêm phong. Địa điểm kiểm phiếu phải đảm bảo nguyên tắc kín đáo, độc lập, để đảm bảo các thành viên Ban kiểm phiếu không bị can thiệp hoặc ảnh hưởng bởi những người khác trong toàn bộ quá trình kiểm phiếu.
- 7.4.** Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT



- 8.1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu cử.
- 8.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất như nhau thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 9. Công bố kết quả kiểm phiếu

- 9.1. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử phải được Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại Hội.
- 9.2. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia và ủy quyền dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng viên vào HĐQT;
- 9.3. Kết quả trúng cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại Hội.

Điều 10. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

- 11.1. Quy chế bầu cử này gồm 03 Chương, 11 Điều, có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.
- 11.2. Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội sẽ thay mặt ký, ban hành Quy chế này sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN DANH HIẾU



Số: 01/2021/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, các giải pháp thực hiện, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Nhân sự:

- Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu chọn 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025. Thành phần HĐQT hiện nay như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Danh Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Tuấn	Thành viên
3	Nguyễn Thế Minh	Thành viên
4	Ngô Thành Chung	Thành viên
5	Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Thành viên

- Ban Giám đốc và Kế toán trưởng công ty (Ban Điều hành):

Năm 2020, HĐQT đã thống nhất việc bổ nhiệm ông Lê Văn Luyện nguyên Phó giám đốc Công ty làm Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/06/2020 thay ông Nguyễn Đình Tiến nguyên Giám đốc công ty về nghỉ chế độ. Đồng thời bổ nhiệm ông Trịnh Ba Duy nguyên Trạm trưởng trạm Đồn Thủy làm Phó giám đốc công ty kể từ ngày 01/06/2020. Như vậy, nhân sự trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Lê Văn Luyện	Giám đốc
2	Trịnh Ba Duy	Phó Giám đốc
3	Vũ Thúy Hà	Kế toán trưởng



2. Hoạt động của HĐQT năm 2020:

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Năm qua, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chủ đạo, đã đưa ra những định hướng, chiến lược quan trọng giúp Công ty phát triển bền vững.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp theo yêu cầu nhiệm vụ SXKD, đã ban hành 08 Nghị Quyết phục vụ công tác quản trị Công ty. Các phiên họp HĐQT đều được triệu tập theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc “đa số” và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát thường xuyên Ban điều hành trong việc thực hiện tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế Quản trị nội bộ đã ban hành. Đối với những vấn đề quan trọng, HĐQT tham khảo ý kiến của Ban điều hành trước khi quyết định để tạo sự thống nhất cao về chủ trương và giải pháp tổ chức thực hiện.

- Hình thức giám sát: Tổ chức họp định kỳ hàng tháng với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng tháng

Năm 2020 được nhận định là một năm có nhiều bất lợi đặc biệt là đối với Công ty nước sạch số 3 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Doanh thu của công ty giảm hơn 20% so với cùng kỳ do nhiều nhà hàng, khách sạn đóng cửa cùng các hoạt động giãn cách xã hội khác. Số liệu một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Thực hiện 2020	% TH so với NQ ĐHCĐ
	(1)	(2)	(3)	(4)	5 = 4/3
1	Doanh thu + thu nhập khác (không bao gồm TP)	Triệu đồng	182 606	148.886	81.53
2	Tỷ lệ nước thu tiền	%	85	84,7	99.6
3	M ³ nước thu được tiền	m ³	14 228 874	12 134 787	85.3

3. Hoạt động của ban Kiểm toán nội bộ

Theo bản báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ đính kèm.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

35
TY
1
70A1
HÀ NỘI



1. Mục tiêu

HQQT nhận định năm 2021 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn do tiếp tục ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong đó hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nước của Công ty nước sạch số 3 chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Do đó, HQQT đưa ra định hướng tập trung nguồn lực đảm bảo hoạt động liên tục của công ty, tích cực sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu:

- Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, kiểm soát tốt tỉ lệ thất thoát nước
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Xây dựng Công ty hoạt động vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

2. Định hướng

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty để vận hành mạng lưới cấp nước hiệu quả, ổn định dịch vụ cấp nước, tăng tỷ lệ nước thu tiền đạt 84.6 % trong năm 2021;
- Sắp xếp tổ chức nhân sự phù hợp với kế hoạch sử dụng lao động và năng lực, trình độ chuyên môn, tổ chức tuyển dụng và đào tạo có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của các cổ đông trong việc giám sát đối với doanh nghiệp;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động, kích thích sản xuất phát triển và kinh doanh hiệu quả hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng chi tiết phương án và các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bao gồm:
 - Phương án quản lý mạng lưới cấp nước hiệu quả trên cơ sở quản lý được 100% van vận hành mạng;
 - Phương án nâng cao hiệu quả vận hành mạng lưới cấp nước;
 - Phương án nâng cao chất lượng công tác thanh kiểm tra nội bộ chống thất thoát, thất thu nước sạch và thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty;
 - Đẩy nhanh công tác triển khai các dự án chống thất thoát thất thu theo kế hoạch;
 - Các giải pháp nâng cao công tác quản lý, chăm sóc khách hàng, dịch vụ công;

II.P. I. H. CH. I. V. I. T. I. I.



CÔNG TY CP SXKD
NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Số 8C, Đường Đình Công Tráng
P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

lienhe@ns3.vn
www.nuocsachso3hn.vn

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội trong năm 2020 và kế hoạch 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU

16:
N:
P:
K:
S:
A:
-T

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**V/v: Kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021**

Sau ngày 04/04/2019, sau gần 2 năm hoạt động với việc thay đổi mô hình quản trị của Công ty chuyển sang mô hình Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng Quản trị - Ban Giám đốc và có Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị đã góp phần quan trọng trong quá trình giám sát, quản trị hoạt động của Công ty, ngăn ngừa các rủi ro tiềm tàng và tăng tính chắc chắn, hiệu quả trong các Nghị quyết, quyết sách của Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào thời điểm hiện tại, Ban Kiểm toán nội bộ (“KTNB”) Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội gồm có 03 thành viên, cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Minh	Thành viên HĐQT độc lập – Trưởng Ban	Ngày bổ nhiệm 04/04/2019
2	Lê Tuấn	Thành viên	Ngày bổ nhiệm 05/04/2019
3	Phạm Vân Khánh	Thành viên	Ngày bổ nhiệm 05/04/2019

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trong năm tài chính 2020, Ban KTNB đã tổ chức các cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các thành viên để thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban KTNB, phân công trách nhiệm của các thành viên và thông qua nội dung Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty. Ngoài ra, các thành viên đã tích cực hoạt động với vai trò xem xét, giám sát, phân tích các rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để báo cáo lên Hội đồng Quản trị cùng xem xét, thảo luận trước khi thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền.

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ được thể hiện cụ thể ở các khía cạnh sau:

- 1. Giám sát hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập**

01
CC
CC
KIỂM
NƯỚC
SỐ 3
KIỂM

Ban KTNB thực hiện giám sát hệ thống báo cáo tài chính của Công ty trước khi Ban Điều hành trình Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam;
- Trong năm không có bất kỳ sự thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố;
- Không có ghi nhận bất thường nào đối với giao dịch bên liên quan (mua bán hàng hóa, chia cổ tức...).

2. Trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và hoạt động chung của Công ty

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành cũng như tôn trọng các thỏa thuận, cam kết với các đối tác trong và ngoài nước;
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã chỉ đạo đầy đủ và sát sao đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

3. Giám sát hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và các xung đột lợi ích tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty:

- Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của Công ty được thiết lập và duy trì ở tất cả các khâu hoạt động với sự tham gia, giám sát, kiểm tra của bộ phận Pháp chế, Kế toán, Kiểm soát Tài chính.
- Công ty có một hệ thống quy trình, quy chuẩn cho hầu hết các công việc, hoạt động trọng yếu, đặc biệt trong hoạt động sản xuất và hoạt động quản lý tài chính, hoạt động mua sắm, quản lý tài sản.
- Cán bộ, nhân viên của Công ty rất có ý thức tuân thủ quy trình, quy định và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện công việc được giao, phân công.
- Công tác lưu trữ sổ sách, chứng từ và tài liệu của Công ty ngày càng được chú trọng, quy chuẩn.
- Trước khi quyết định thực hiện các giao dịch, hợp đồng với các đối tác, khách hàng, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đều tham vấn bộ phận Pháp chế của tập đoàn DNP và các đơn vị liên quan để đảm bảo không có các xung đột lợi ích và các nguy cơ về gian lận nội bộ.
- Công ty đã ban hành các chính sách, biện pháp phòng chống gian lận, các vi phạm Nội quy, Điều lệ Công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật.

4. Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập:

- Việc đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm 2019 của đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.
- Đối với việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020, Ban KTNB sẽ đề xuất Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết lựa chọn.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2021

Trong năm tài chính 2021, Ban KTNB sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động đã thực hiện tốt trong năm 2020, trên cơ sở đó tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động cụ thể:

- Rà soát Báo cáo tài chính trên cơ sở xem xét các vấn đề kế toán trọng yếu và tính đầy đủ - nhất quán của thông tin công bố.
- Tiếp tục công tác giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện các chốt kiểm soát chưa chặt chẽ, nâng tầm công tác giám sát tuân thủ sang công tác quản lý rủi ro để hỗ trợ Công ty trong việc kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm ẩn và rủi ro mới phát sinh nhằm kiểm soát chặt các rủi ro chính, có ảnh hưởng trọng yếu.
- Đảm bảo phát huy tốt vai trò KTNB, đưa KTNB thành tuyến phòng vệ thứ 3 có chức năng cung cấp dịch vụ đảm bảo và tư vấn một cách độc lập, khách quan nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động của năm 2021 của Ban KTNB. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- Lưu Ban KTNB, tài liệu ĐHCĐTN 2021.

TM. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

NGUYỄN THẾ MINH

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020 và triển khai kế hoạch SXKD năm 2021, các giải pháp thực hiện, cụ thể như sau:

PHẦN I:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Dưới sự giám sát chặt chẽ và chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với sự điều hành linh hoạt, sáng tạo của Ban Giám đốc, tuy nhiên do chịu sự ảnh hưởng khách quan của tình hình dịch bệnh COVID 19 nên trong năm qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 còn có hạn chế, cụ thể như sau:

1. Thực hiện cấp nước & tỷ lệ nước thu được tiền năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Thực hiện 2020	% TH so với NQ ĐHCĐ
	(1)	(2)	(3)	(4)	5 =4/3
1	Tổng nguồn cấp	m ³	16 730 901	14 331 165	85.7
1.1	Nước SX	m ³	3 367 220	3 387 305	100.6
1.2	Mua nước từ Công ty NSHN	m ³	13 363 681	10 943 860	81.9
2	Tỷ lệ nước thu tiền	%	85	84,7	99.6
3	M ³ nước thu được tiền	m ³	14 228 874	12 134 787	85.3

2. Thực hiện doanh thu năm 2020:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	Thực hiện 2020	% TH/NQ
	(1)	(2)	(3)	(4)	5=4/3
1	Doanh thu + thu nhập khác (không bao gồm TP)	Triệu đồng	182 606	148.886	81.53
1.1	Doanh thu tiền nước (không bao gồm thuế, phí)	Triệu đồng	177 411	140 139	78.99
1.2	Xây lắp +bồi hoàn+HĐTC+ thu nhập khác (không bao gồm thuế, phí)	Triệu đồng	5 195	8 747	168.37

3. Hiệu quả tài chính năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	NQ ĐH CĐ 2020	Thực hiện 2020	Đạt %
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	66 000	79 119	120
2	Doanh thu+Thu nhập khác (không thuế, phí)	Triệu đồng	182 606	148 886	81.53
2.1	Tiền nước	Triệu đồng	177 411	140 139	78.99
2.2	Xây lắp +HĐ tài chính, Thu nhập khác	Triệu đồng	5.195	8 747	168.37
3	Tổng chi phí SXKD	Triệu đồng	160 309	140 452	87.61
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	29 702	23 839	80.26
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22 296	8 433	37.82
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20 067	7 746	38.6
7	Tỷ lệ LNST/vốn điều lệ	%	30.4	9.79	39.24
8	Lãi cơ bản/1CP (EPS)	Đồng	3 040	1 150	37.83

4. Thực hiện đầu tư XDCB năm 2020:

TT	Dự án	ĐV tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
1	DA cải tạo Ô23A KV2 (Chuyển tiếp 2019)	Triệu đồng	6 000	2 335	Theo KQKT
2	DA cải tạo Ô22A KV1	Triệu đồng	6 734	3 017	Theo KQKT
3	DA kết hợp với BQL quận HK	Triệu đồng	500	670	
	Tổng cộng	Triệu đồng	13 234	6 022	

5. Thực hiện đầu tư vốn sửa chữa lớn phân bổ năm 2020:

TT	Dự án	ĐV tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
1	DA cải tạo Ô23A KV2 (Chuyển tiếp 2019)	Đồng	1 000	188	Theo KQKT
2	DA cải tạo Ô22A KV1	Đồng		179	Theo KQKT
3	DA kết hợp với BQL quận HK	Triệu đồng	500	88	
	Tổng cộng	Triệu đồng	1 500	455	

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm qua bên cạnh những lợi thế là một quận trung tâm của Thủ đô, tập trung lượng lớn khách du lịch đến thăm quan nhưng chính trong thời điểm này khi gặp điều kiện bất lợi do tình hình dịch bệnh lại chính là nguyên nhân gây ảnh hưởng lớn đến doanh thu của công ty từ đó kéo theo giá nước bình quân giảm.

Cùng với việc Công ty có Trạm Đồn Thủy tạo ra nguồn nước tự sản xuất chiếm 23.63% nguồn cấp vào nên Công ty đã chủ động điều tiết nguồn cấp nước. Với việc sản lượng nước sản xuất trong năm 2020 đạt 100,84% so với năm 2019 hơn nữa giá thành sản xuất thấp đã góp phần đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

1. Công tác dịch vụ cấp nước và chăm sóc khách hàng:

- Cùng với việc ứng dụng các phần mềm Quản lý hiện có như Quản lý khách hàng, phần mềm ghi chỉ số đồng hồ trên điện thoại di động, hóa đơn điện tử, ... đã áp dụng từ năm 2019, Công ty luôn có một đội ngũ IT hỗ trợ để theo kịp xu hướng ứng dụng công nghệ 4.0 của xã hội, giúp nhân viên thực hiện công việc qua điện thoại di động, nhận được đầy đủ thông tin hỗ trợ công việc; giúp công ty giảm nhân lực trong khâu trung gian, quản lý và giám sát tốt quá trình/kết quả công việc.

- Tháng 7 năm 2021 đã triển khai thêm công tác kinh doanh mới tạo công việc mới để nâng cao doanh thu và mức thu nhập cho người lao động.

- Ngoài ra, Công ty còn mở rộng, đa dạng hóa các kênh thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

2. Công tác chống TTTT:

- Trong năm 2020 Công ty triển khai thực hiện đầu tư 01 dự án chống thất thu thất thoát Ô22A.KV1 bằng phương thức tự thực hiện, chi phí và hiệu quả đạt kết quả rõ rệt tăng 15% tỷ lệ nước thu tiền trong khu vực cải tạo (từ 72% lên trên 87%).

3. Công tác trách nhiệm xã hội:

- Cùng với việc trong năm 2019 Công ty đã lắp đặt 04 trụ uống nước tại vòi tại các địa điểm công cộng Vườn hoa Lý Thái Tổ, Chợ Đồng Xuân, Vườn hoa Tây Sơn, Chợ Hàng Da trong năm 2020 Công ty đã hoàn thành thêm và đưa vào sử dụng 04 trụ uống nước tại vòi tại Quanh khu vực Hồ Hoàn Kiếm: ngã tư Hàng Khay - Lê Thái Tổ, vườn hoa Đinh Tiên Hoàng - Đền Ngọc Sơn, đường đôi Đinh Tiên Hoàng, vườn hoa Lý Thái Tổ - Hàng Trống.

- Ngoài ra công tác thực hiện từ thiện xã hội vẫn luôn đc duy trì hàng năm.

Trong năm 2020 Công ty đã tham ra các hoạt động như: quỹ vì biển đảo Việt Nam, quỹ trẻ em khuyết tật, Dioxin, quỹ đồng bào lũ lụt miền Trung, quỹ “Đền ơn đáp nghĩa năm 2020”, quỹ “ Vì người nghèo Trung ương” v..v với tổng số tiền hơn 105 triệu đồng do Công ty và cá nhân cán bộ công nhân viên tự nguyện đóng góp.

Chính nhờ các hoạt động trên đồng thời với việc cung cấp tốt dịch vụ cấp nước đến từng khách hàng do đó Công ty luôn nhận được sự đánh giá cao của Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận Hoàn Kiếm là doanh nghiệp phục vụ cấp nước tốt cho nhân dân Thủ đô trong năm 2020.

4. Chế độ chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo 100% CBCNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (BHXH, BHYT, nghỉ ốm, nghỉ phép, nghỉ chế độ...) và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác (khám sức khỏe định kỳ...)

- CBCNV được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của người lao động.

- Công tác huấn luyện, đào tạo luôn được Ban lãnh đạo coi trọng, xem như một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ, giúp người lao động tiếp thu kiến thức mới, từ đó nâng cao năng suất lao động.

5. Công tác khác:

5.1 Vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn:

- Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, theo đó vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 66 tỷ lên 79,1 tỷ tăng 20%.

- Tình hình sử dụng vốn đã được thể hiện đầy đủ trong Báo cáo tài chính 2020 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Công ty TNHH Grant Thornton (Vietnam).

5.2 Tình hình nhân sự:

- Ông Nguyễn Danh Hiếu tái bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, ông Nguyễn Đình Tiến kiêm Giám đốc công ty về nghỉ chế độ đồng thời rút khỏi chức danh thành viên HĐQT và bổ nhiệm ông Lê Văn Luyện Phó Giám đốc công ty lên giữ chức vụ Giám đốc công ty.

- Bổ nhiệm 01 lãnh đạo - Phó Giám đốc.

- Luân chuyển 11 nhân viên giữa các bộ phận, 18 người nghỉ chế độ.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 gồm:

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% KH 2021/2020
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Chỉ tiêu SXKD				
1	Tổng nước nguồn	M ³	14 331 165	14 629 653	102.08
1.1	Nước sản xuất	M ³	3 387 305	3.358.100	99.14
1.2	Mua nước từ Công ty NSHN	M ³	10 943 860	11.271.553	103
2	Tỷ lệ nước thu tiền	%	84,7	84.6	99.88
3	M ³ nước thu được tiền	M ³	12 134 787	12.378.000	102.004
II	Chỉ tiêu kinh tế tài chính				
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác (không bao gồm TP)	Triệu đồng	148 886	150 572	101.13
1.1	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	140 139	144.169	102.88
1.2	Xây lắp , HĐ tài chính, thu nhập khác	Triệu đồng	8 747	6 403	73.20
2	Tổng chi phí SXKD	Triệu đồng	140 452	138 307	98.47
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	23 839	24 508	102.81
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8 433	12 264	145.43
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7 746	11 037	142.49
6	EBITDA	Triệu đồng	46 291	47 317	102.21
7	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	9.79	13.94	142.39
8	Lãi cơ bản/ 1 cổ phiếu(EPS)	Đồng	1 150	1 639	116.90

100
CÔNG
CƠ
UẤT
ƯỚC
3 HÀ
TIỆM

PHẦN III

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 2021

1. Công tác kế toán tài chính, quản lý vốn, tài sản

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.
- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí SXKD.

2. Công tác tổ chức, đào tạo, phát triển nhân lực

- Kết hợp nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đào tạo công tác thực hành, kỹ năng mềm.
- Tiếp tục thực hiện công việc luân chuyển cán bộ, công nhân viên trong nội bộ để giúp cho đội ngũ cán bộ nhanh chóng trưởng thành và có kiến thức, năng lực toàn diện hơn. Sự luân chuyển nhân viên giữa các bộ phận để phù hợp với sự thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty từ đó nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc, đáp ứng quy trình đổi mới doanh nghiệp, tăng thu nhập người lao động.

3. Công tác từ thiện xã hội - Hoạt động cộng đồng

- Đổi mới phương thức thực hiện công tác từ thiện, xã hội, cộng đồng và truyền thông.
- Tổ chức các chương trình phụ trợ khác hướng đến những vấn đề cộng đồng có liên quan đến ngành nước.
- Tiếp tục duy trì và phát triển các chương trình từ thiện xã hội thiết thực.

4. Công tác chống thất thu, thất thoát

- Công tác chống TTTT là trọng tâm để nâng cao tỷ lệ nước thu được tiền để đạt mục tiêu tháng cao nhất trong năm 2021 ở mức hơn 86%.
- Thực hiện đầu tư các dự án chống TTTT năm 2021 hiệu quả đúng tiến độ để giảm tỷ lệ TT tăng tỷ lệ nước thu tiền, nâng cao dịch vụ cấp nước cho khách hàng đạt 16/24.

5. Công tác dịch vụ khách hàng

- Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng bao gồm cả các quy định, quy chế dịch vụ khách hàng và thái độ phục vụ của CBCNV.
- Linh hoạt trong công tác thanh toán tiền nước bằng nhiều hình thức thu.
- Tăng cường các hình thức đào tạo nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Thường xuyên kiểm soát đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng, có chế tài để thưởng phạt nhằm khuyến khích nhân viên phục vụ khách hàng tốt hơn.
- Thăm hỏi định kỳ khách hàng lớn, hỗ trợ kịp thời khi khách hàng có nhu cầu.

6. Công tác thanh kiểm tra

- Tiến hành rà soát công tác quản lý khách hàng, áp giá khách hàng đúng với quy định, giải quyết và xử lý triệt để công tác nợ tồn.

Trên đây là nội dung báo cáo của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội trình trước đại hội cổ đông về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HN

Giám đốc



Lê Văn Luyện



Số: 01/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Xuất phát từ nhu cầu thay đổi của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“Công ty”) trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan, căn cứ trên thực tiễn và mong muốn nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành hoạt động tại Công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát Điều lệ Công ty và dự thảo một số nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Do đó, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc ban hành toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty với các nội dung đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo đính kèm Tờ trình này;
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN DANH HIẾU

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI**

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Hà Nội – Tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	6
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động.....	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 3: Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh	8
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	9
Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong công ty	10
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	10
Điều 7: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	10
Điều 8: Cổ phiếu	11
Điều 9: Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 10: Chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 11: Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 12: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	13
Điều 13: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty.....	14
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH.....	15
Điều 14: Cơ cấu tổ chức, quản trị và điều hành	15
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 15: Quyền của cổ đông	15
Điều 16: Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 17: Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18: Quyền và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19: Các đại diện được ủy quyền	19

Điều 20: Thay đổi các quyền.....	20
Điều 21: Triệu tập họp đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22: Các điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24: Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông	25
Điều 25: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông	26
Điều 26: Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 28: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên hội đồng quản trị.....	30
Điều 29: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên hội đồng quản trị	30
Điều 30: Ứng cử, đề cử thành viên hội đồng quản trị.....	31
Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị.....	33
Điều 32: Chủ tịch hội đồng quản trị.....	35
Điều 33: Cuộc họp hội đồng quản trị	36
Điều 34: Biên bản họp hội đồng quản trị	39
Điều 35: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên hội đồng quản trị.....	40
Điều 36: Ủy ban kiểm toán	40
Điều 37: Người phụ trách quản trị công ty.....	41
CHƯƠNG VIII. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	42
Điều 38: Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.....	43
Điều 40: Thư ký công ty.....	45
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	45
Điều 41: Trách nhiệm cân trọng.....	45

Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	46
Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46
CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 44: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 45: Công nhân viên và công đoàn	48
CHƯƠNG XII. NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH.....	48
Điều 46: Nguyên tắc phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh	48
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	49
Điều 47: Tài khoản ngân hàng	49
Điều 48: Năm tài chính	50
Điều 49: Chế độ kế toán.....	50
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	50
Điều 50: Báo cáo tài chính	50
Điều 51: Báo cáo thường niên.....	51
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 52: Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	52
Điều 53: Con dấu.....	52
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	52
Điều 54: Chấm dứt hoạt động	52
Điều 55: Thanh lý.....	52
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	53
Điều 56: Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	54
Điều 57: Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	54
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC.....	54

Điều 58: Ngày hiệu lực54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 02 tháng 04 năm 2021 và thay thế cho Điều lệ công ty đã ban hành ngày 04 tháng 04 năm 2019.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty* là Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- c) *Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty* là Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội;
- d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2020;
- f) *Pháp luật* là tất cả các văn bản Pháp luật của nhà nước Việt Nam được quy định tại Luật ban hành các văn bản Pháp luật (bao gồm cả văn bản Pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế);
- g) *Cổ đông* là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- h) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i) *Người quản lý Công ty* có nghĩa là thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty;
- j) *Cán bộ quản lý cấp cao* có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
Cán bộ quản lý cấp trung có nghĩa là Trưởng, Phó các bộ phận (Phòng ban, Trạm)
- k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - m) *Các đơn vị trực thuộc Công ty*: là các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng ban, Nhà máy, Xí nghiệp, Xưởng sản xuất hoặc các đơn vị khác thuộc bộ máy tổ chức của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Tên Công ty:

Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI.**

Tên giao dịch quốc tế: **HA NOI WATER MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY NO 3**

Tên viết tắt: **CÔNG TY NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 8C Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : 02438 257 670

- Fax : 02439 332 892

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 45 với quyền hạn, nghĩa vụ được quy định tại Điều 46 Điều lệ này, các quy định khác của Công ty và pháp luật hiện hành.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh (trong hoặc ngoài nước) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của

Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3: MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Mục tiêu hoạt động:

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Phá dỡ	4311
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: <i>Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...</i>	4663
6	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: <i>Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...</i>	4752

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết: <i>Thiết kế và phác thảo công trình; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến dự án quản lý nước.</i>	7110

ĐIỀU 4: PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam, Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và Thông lệ Quốc tế.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 5: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn/ bãi nhiệm.
4. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị. Trưởng Ban và thành viên Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn/ bãi nhiệm.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn/bãi nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn/bãi nhiệm hoặc thuê, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐIỀU 6: TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 7: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: **79.199.990.000** đồng (*Bảy mươi chín tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **7.919.999** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tài sản góp vốn là tiền Việt Nam đồng.

1. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu cổ phần được quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

5. Thông tin về cổ đông được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều

kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phần chưa bán/cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8: CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Nội dung khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 9: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 10: CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty.

ĐIỀU 11: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Các cổ phần ưu đãi có điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

ĐIỀU 12: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 13: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 14: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 15: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu trực tuyến; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm;

b) Hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 30 Điều lệ này.

ĐIỀU 16: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông có các nghĩa vụ sau

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 17: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 18: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại, mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - h) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - j) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán;
 - l) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp mà loại, giá trị hợp đồng, giao dịch thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và quy định của pháp luật.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 19: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 20: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24 Điều lệ này.

ĐIỀU 21: TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điều 17 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty theo đúng quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử (website) của công ty, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán,. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; và (b) Phiếu biểu quyết.. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 3 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại điều lệ này;

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 17 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 22: CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

ĐIỀU 23: THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện dựa trên sử

dụng phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau hoặc theo cách thức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

5. Chủ tọa có quyền thực hiện biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

7. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

8. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 24: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f) Vấn đề khác do điều lệ Công ty quy định;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này và Khoản 1 Điều 20 Điều lệ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

ĐIỀU 25: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2.a Điều 21 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp,;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được

đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp,;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9. Các Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 26: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo quyết định của Chủ tọa. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được của Công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp,
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ và tên Chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- g) Số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp;
- i) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ thông qua tương ứng;
- k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 27: YÊU CẦU HUỖ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 của Điều lệ này;
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 28: NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị;
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 29: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập ngoài việc thỏa mãn các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý cấp cao theo quy định của Điều lệ công ty.

ĐIỀU 30: ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THÉ VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên cho tới khi đủ số lượng cần thiết.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

ĐIỀU 31: QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, ngân sách hàng năm của công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội cổ đông thông qua;

c) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền;

f) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

g) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được đại hội cổ đông ủy quyền;

h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ủy ban Kiểm toán và các Tiểu ban khác trực thuộc Hội

đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với mức giá trị góp vốn, mua cổ phần từ trên 35% tổng tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính gần nhất;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Ngoài những thẩm quyền quy định tại khoản 3 điều này, Hội đồng quản trị có thể thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề khác trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác (cấp cao và cấp trung) trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị và đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng

quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 32: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên của Hội đồng quản trị. Trừ trường hợp công ty trở thành công ty đại chúng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình

phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị..

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 33: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý cấp cao và cấp trung khác;
- b) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện thư điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký với Công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận .

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành

viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết vẫn được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp theo hình thức nghị sự trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của Chủ tọa và thư ký cuộc họp.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

ĐIỀU 34: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo quyết định của Chủ tọa. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (*nếu cần thiết*), có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

ĐIỀU 35: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị

ĐIỀU 36: ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.
2. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban Kiểm toán:
 - Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.
 - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
 - Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:
 - Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
 - Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
 - Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty .
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.
4. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
5. Hội đồng Quản trị xây dựng cơ chế và ban hành các văn bản, chính sách liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đảm bảo tính hiệu quả theo đúng quy định pháp luật.

ĐIỀU 37: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 38: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Công ty có một (01) Giám đốc, (các) Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác, phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật quyết định phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của các chức danh này.

ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đồng nghĩa với quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam, người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Nhiệm kỳ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Người đại diện theo pháp luật của Công ty không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn, nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty mà không thuộc các trường hợp buộc phải có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

i. Quyết định và thay mặt Công ty ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định

- này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- ii. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - iii. Quyết định thành lập/tham gia thành lập công ty con, đầu tư, mua bán cổ phần hoặc phân vốn góp vào các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài nếu tổng giá trị đầu tư, góp vốn vào một doanh nghiệp dưới mức 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - iv. Quyết định việc thành lập, chia, tách, gộp, giải thể các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty ngoại trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - v. Quyết định và ban hành các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - vi. Quyết định việc thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ các khoản bồi thường theo Quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- c) Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- d) Bổ nhiệm, quyết định mức lương, điều kiện làm việc, thời hạn hợp đồng lao động và các chế độ đãi ngộ khác (nếu có) đối với các cán bộ quản lý trừ Giám đốc nhằm tối ưu các hoạt động quản lý;
- e) Được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, trả lương và phụ cấp đối với mọi người lao động trong Công ty, ngoại trừ cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- g) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, và pháp luật.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

ĐIỀU 40: THƯ KÝ CÔNG TY

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty và có thể miễn nhiệm khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- a) Chuẩn bị các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo yêu cầu;

- b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - c) Tham dự các cuộc họp;
 - d) Đảm bảo các nghị quyết, quyết định, văn bản do các cơ quan thẩm quyền trong Công ty ban hành là phù hợp với luật pháp;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thông tin khác theo yêu cầu hoặc theo quy định pháp luật.;
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

ĐIỀU 41: TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 42: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các

lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hoá nếu đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 43: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 44: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 45: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

ĐIỀU 46: NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, sau khi đã bù đủ số lỗ lũy kế của các năm trước (nếu có).
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị có thẩm quyền ra quyết định, thực hiện các giải pháp khắc phục kịp thời như: chuyển lỗ sang năm sau, sử dụng quỹ dự phòng đã trích lập của năm trước, v.v..

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 47: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 48: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

ĐIỀU 49: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 50: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế theo các quy định của pháp luật. Trong trường hợp trở thành công ty đại chúng/niêm yết, Công ty phải lập

và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty (trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng/niêm yết) phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý của Công ty (trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng/niêm yết) trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 51: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 52: KIỂM TOÁN

1. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo quy định pháp luật, Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được

quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI CON DẤU

ĐIỀU 53: CON DẤU

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 54: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 55: THANH LÝ

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của

mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có)

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 56: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Giám đốc hay hay cán bộ quản lý cao cấp, Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX

NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 58: NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi (20) chương, năm mươi tám (58) Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội nhất trí thông qua ngày 02 tháng 04 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN DANH HIẾU



Số: 02/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty
đã được sửa đổi, bổ sung*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Xuất phát từ nhu cầu thay đổi của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“Công ty”) trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan, căn cứ trên thực tiễn và mong muốn nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành hoạt động tại Công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và dự thảo một số nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Do đó, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty với các nội dung đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo đính kèm Tờ trình này;
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty



DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

*(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHDCĐ-NS3 của Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội ngày 02/04/2021)*

Hà Nội, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	5
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	5
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	6
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	6
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	6
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	6
Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	7
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	7
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	8
Điều 9. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	8
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	10
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	11
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Thư ký Công ty	12
Điều 20. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị:.....	12
CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	13
Điều 21. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành.....	13
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	14
Điều 22. Nguyên tắc phối hợp	14
Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành.....	14
Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm toán.....	14
Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Ban điều hành.....	15

CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	15
Điều 26. Đánh giá hoạt động	15
Điều 27. Khen thưởng.....	15
Điều 28. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	15
CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	16
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	16
Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	16
Điều 31. Giao dịch với người có liên quan	16
Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.....	16
CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	16
Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin	16
Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty	17
Điều 35. Công bố thông tin về quản trị Công ty	17
Điều 36. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc	17
Điều 37. Tổ chức công bố thông tin.....	17
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	17
Điều 38. Sửa đổi bổ sung	17
Điều 39. Ngày hiệu lực	17
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	19
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	19
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	19
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21

Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
--	----

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **25**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	25
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	25
Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	27

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **28**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	28
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	28
Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên.....	28
Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	28
Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị	29
Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	29
Điều 7. Cách thức biểu quyết.....	29
Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	30
Điều 10. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	31

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY **32**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	32
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	32
Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành Công ty.....	32
Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành Công ty	32
Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty	32
Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành Công ty	32
Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty	33

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Pháp luật
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các đơn vị, cá nhân không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
3. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc được ban hành và/hoặc áp dụng tại Công ty với mục đích:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội;
 - c. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.
 - e. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm);

- Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm);
- Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm);
- Trình tự và thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty (Phụ lục 4 đính kèm).
- Ngoài ra, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc giám sát, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro đối với các hoạt động của Công ty.

4. Giám đốc Công ty

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông

và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác, nếu thông báo họp có ghi nhận các hình thức tương ứng, như:

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong Công ty.

f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Nghĩa vụ bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

h. Các quyền, và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;
- e. Cách thức kiểm phiếu;
- f. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
- j. Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Phụ lục số 1 Quy chế Quản trị Công ty. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

4. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc ;
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

- b. Kết quả giám sát hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- c. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành Công ty khác;
- d. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông và giữa Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý với nhau;
- e. Đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- f. Khuyến nghị các biện pháp, phương hướng nâng cao tính hiệu quả kinh tế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm 03 đến 11 thành viên: Trong đó có một (01) Chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Phụ lục số 2 Quy chế Quản trị Công ty.

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - d. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị độc lập cần đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi,

anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý cấp cao theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

3. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

4. Hội đồng quản trị thông qua việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.
 - b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
 - c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.
 - d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.
8. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Phụ lục số 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hàng năm, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị (nếu có) bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại Ủy ban Kiểm toán hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán hoặc các tiểu ban khác của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty.
2. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán để hỗ trợ hoạt động giám sát, kiểm soát và quản trị rủi ro.

2. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban Kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
 - Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - Đề xuất các chính sách kế toán phù hợp để áp dụng tại Công ty;
 - Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
 - Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan, chức năng, nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động được Hội đồng Quản trị ban hành;
3. Hội đồng Quản trị xây dựng cơ chế và ban hành các văn bản, chính sách liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đảm bảo tính hiệu quả theo đúng quy định pháp luật.

CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 21. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, (các) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Giám đốc và (các) Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.
3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:
 - a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

- c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;
 - d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.
4. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty (Phụ lục 4 đính kèm)

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 22. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Công ty trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Ban điều hành phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban điều hành đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Thành viên Ban điều hành không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy Ban kiểm toán

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban Kiểm toán.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ủy ban Kiểm toán.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh và các trường hợp vi phạm của các cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ

Công ty.

Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

CHƯƠNG VIII: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
2. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ủy ban Kiểm toán.
3. Chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các cán bộ quản lý khác.

Điều 27. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng quản trị quyết định mức khen thưởng đối với các thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý khác theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.
3. Chế độ khen thưởng:
 - a. Bằng tiền;
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 28. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ

của việc vi phạm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán và các cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải thực hiện trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 34 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 31. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, sau khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị), Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác

nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và các nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 35. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 36. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc, người quản lý khác

Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 39. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương, 39 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội thống nhất thông qua ngày 02 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được ủy quyền.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN DANH HIẾU

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

- Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức bỏ phiếu; Cách thức kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Nội dung quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm: quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản);

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty
3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Phiếu biểu quyết;
- c. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký

ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng lại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.
- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Điều 9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong trường hợp loại trừ đó, nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ

phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) *Chuẩn bị tài liệu:*

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

❖ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) *Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản*

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c) *Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông*

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành Công ty.

❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các vấn đề đã được thông qua;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kèm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 11 Quy chế quản trị Công ty.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 11 Quy chế quản trị Công ty

Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

f. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 04 tháng 04 năm 2019

của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường;
- Thông báo họp Hội đồng quản trị;
- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác;
- b. Theo đề nghị của ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm

việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết vẫn được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ

chức cuộc họp Hội đồng quản trị;

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo quyết định của Chủ tọa. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (*nếu cần thiết*), có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản

tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 10. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 04 tháng 04 năm 2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty;
- Việc bổ nhiệm Người điều hành Công ty;
- Ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty;
- Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành Công ty;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty.

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn làm Giám đốc và Phó giám đốc thực hiện theo Khoản 2 Điều 26 Quy chế này.
2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo Khoản 3 Điều 26 Quy chế này.

Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành Công ty

1. Bổ nhiệm Giám đốc: Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác
 - a. Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
 - b. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo Pháp luật căn cứ vào đề xuất của Giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty

1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:
 - a. Việc ký hợp đồng lao động với Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện.
 - b. Việc ký kết hợp đồng lao động với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Người đại diện theo pháp luật thực hiện trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản trị.
2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác không được trái với quy định của pháp luật lao động.

Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành Công ty

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 26 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của Công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Số: 03/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội được Công ty TNHH Grant Thornton (Vietnam) thực hiện kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Kết quả sản xuất, kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

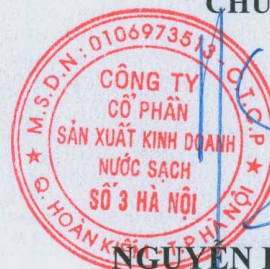
(Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính kiểm toán tóm tắt được đính kèm và bản chi tiết được công bố tại website công ty: <http://nuocsachso3hn.vn>)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU



Số: 04/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020,
Thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch 2021.**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2020 của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội, do ảnh hưởng của dịch COVID19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của công ty làm doanh thu sụt giảm kéo theo lợi nhuận sau thuế năm 2020 cũng giảm 56,7% so với năm 2019. Do vậy, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, tổng mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2021 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	140.617.759.167
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	8.433.645.570
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	7.746.299.632
4	Cổ tức 2020 (bằng cổ phiếu)	Đồng	0
5	Lợi nhuận chuyển năm sau	Đồng	7.746.299.632
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0

II. Thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2021

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

Stt	Nội dung	Tổng thù lao 2020 (VNĐ)	Kế hoạch tổng mức thù lao 2021 (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	0 VNĐ	0 VNĐ
	Tổng	0 VNĐ	0 VNĐ



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU





Số: 05/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: *Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội và các quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị (trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm toán nội bộ) kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty dựa vào các tiêu chí như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2021;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU



Số: 06/2021/TTr-HĐQT – NS3

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương về các giao dịch có liên quan và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Năm 2021 được dự báo là một năm có nhiều chuyển biến về môi trường kinh doanh liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội; (“**Công ty**”). Vì vậy, nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty và chủ động nắm bắt những cơ hội kinh doanh, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền như sau:

1. Thông qua chủ trương về các giao dịch có liên quan:
 - 1.1. Thông qua chủ trương về việc Công ty được ký kết và thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và/hoặc quy định tại Khoản 4, 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
 - 1.2. Thông qua chủ trương về việc Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh và ký kết các hợp đồng, hồ sơ liên quan đến việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thành viên khác (nếu có) của Công ty.
 - 1.3. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nội dung này theo nguyên tắc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét quyết định, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 - 2022 như sau:
 - 2.1. Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và ngân sách hoạt động kinh doanh năm 2021 - 2022 cho phù hợp với diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của pháp luật;
 - 2.2. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 2.3. Chủ động triển khai các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền



quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Hội đồng Quản trị được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu thư ký công ty

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU

TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty)

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội;

Vừa qua, Ông Lê Tuấn – thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“Công ty”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã thông báo về kế hoạch đệ trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét, chấp thuận đề nghị xin thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị vì lý do cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) không bị ảnh hưởng, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan, đồng thời đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành trong giai đoạn sắp tới, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc miễn nhiệm và đồng thời bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

I. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Lê Tuấn

- Thời điểm miễn nhiệm: kể từ ngày được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.
- Giao Ban Giám đốc Công ty xem xét và giải quyết các vấn đề về quyền lợi, chế độ của Ông Lê Tuấn theo đúng quy định của Công ty và pháp luật liên quan.

II. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

1. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT:

Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành Công ty trong giai đoạn sắp tới, HĐQT đề xuất bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, từ đó tổng số thành viên HĐQT của Công ty là 05 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên thành viên HĐQT của Công ty:

- Ứng viên HĐQT phải đáp ứng được các điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.
- Ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử và/hoặc ứng viên do HĐQT đương nhiệm đề cử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT

Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định tại Thông báo của Hội đồng Quản trị ngày 12/03/2021 về Phương thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị để bầu bổ sung tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu Thư ký công ty.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DANH HIẾU